

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG I**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**CHO KỶ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2023 ĐẾN NGÀY 30/06/2023**



## MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 33

## BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Việt Hoàng	Thành viên Hội đồng quản trị
Bà Bùi Hương Liên	Thành viên Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 06/05/2023)
Ông Tô Giang Nam	Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 06/05/2023)

#### Ủy Ban kiểm toán

Ông Nguyễn Việt Hoàng	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán
Bà Nguyễn Thị Phụng	Công bố thông tin

#### Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Thu Hưng	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 10/02/2023)
Ông Lê Anh Tuấn	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 10/02/2023)
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Kế toán trưởng

### CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

## BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP)

Ban Lãnh đạo xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ngoài ra, Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Lãnh đạo cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo,



---

**Nguyễn Anh Tuấn**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2023

Số: 761/2023/UHY-BCSX

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023*

**Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo  
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 25 tháng 7 năm 2023, từ trang 06 đến trang 33 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo**

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I tại ngày 30/06/2023, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



---

**Nguyễn Minh Long**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
*Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2023*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Tại ngày 30/06/2023*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>29.391.503.602</b>	<b>28.954.340.154</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	259.200.363	38.870.657
Tiền	111		259.200.363	38.870.657
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>28.999.746.745</b>	<b>28.782.913.003</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.513.702.150	1.593.580.319
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	679.354.252	720.604.252
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	32.506.142.337	32.168.180.426
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(5.699.451.994)	(5.699.451.994)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>132.556.494</b>	<b>132.556.494</b>
Thuế GTGT được khấu trừ	152		132.556.494	132.556.494
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>83.959.455.787</b>	<b>64.171.618.392</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>9.621.948.409</b>	<b>9.621.948.409</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	9.621.948.409	9.621.948.409
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.337.507.378</b>	<b>4.549.669.983</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	4.337.507.378	4.549.669.983
- Nguyên giá	222		14.659.297.155	14.659.297.155
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.321.789.777)	(10.109.627.172)
Tài sản cố định vô hình	227	11	-	-
- Nguyên giá	228		59.500.000	59.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(59.500.000)	(59.500.000)
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		70.000.000.000	50.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		866.640.000	866.640.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(866.640.000)	(866.640.000)
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>113.350.959.389</b>	<b>93.125.958.546</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**  
Tại ngày 30/06/2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>20.846.634.661</b>	<b>21.695.062.927</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>20.247.634.661</b>	<b>21.096.062.927</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	11.156.638.943	11.588.112.416
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	23.055.159	23.055.159
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.667.462.541	1.956.508.021
Phải trả người lao động	314		1.173.308.018	1.176.128.018
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	1.766.378.610	1.801.467.923
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	4.460.256.791	4.550.256.791
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		534.599	534.599
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>599.000.000</b>	<b>599.000.000</b>
Phải trả dài hạn khác	337	16	599.000.000	599.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>92.504.324.728</b>	<b>71.430.895.619</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>92.504.324.728</b>	<b>71.430.895.619</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		162.499.690.000	142.499.690.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		162.499.690.000	142.499.690.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		278.962.752	278.962.752
Cổ phiếu quỹ	415		(130.000)	(130.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		304.406.186	304.406.186
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(70.578.604.210)	(71.652.033.319)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(71.652.033.319)	(77.247.288.219)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.073.429.109	5.595.254.900
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>113.350.959.389</b>	<b>93.125.958.546</b>

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phượng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hà

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Anh Tuấn



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
			đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
			VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>19</b>	<b>2.246.693.336</b>	<b>2.198.636.365</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>2.246.693.336</b>	<b>2.198.636.365</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>20</b>	<b>88.142.469</b>	<b>96.345.594</b>
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>2.158.550.867</b>	<b>2.102.290.771</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	369.162.659	1.372.030.516
Chi phí tài chính	22		12.425.000	-
Chi phí bán hàng	25	23	59.909.752	81.344.156
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	1.135.038.958	1.017.774.404
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>1.320.339.816</b>	<b>2.375.202.727</b>
Thu nhập khác	31		-	240.834.275
Chi phí khác	32	22	54.500.000	202.607.303
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(54.500.000)</b>	<b>38.226.972</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>1.265.839.816</b>	<b>2.413.429.699</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	192.410.707	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>1.073.429.109</b>	<b>2.413.429.699</b>

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phượng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hà

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Anh Tuấn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
		đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
		VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
Lợi nhuận trước thuế	1	1.265.839.816	2.413.429.699
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	212.162.605	241.800.134
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(369.162.659)	(1.372.030.516)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>08</b>	<b>1.108.839.762</b>	<b>1.283.199.317</b>
<b>trước thay đổi vốn lưu động</b>			
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(216.833.742)	(220.105.500)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể	11	(998.838.973)	(1.198.534.632)
lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh			
nghiệp phải nộp)			
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(42.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh</b>	<b>20</b>	<b>(148.832.953)</b>	<b>(135.440.815)</b>
<b>doanh</b>			
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(20.000.000.000)	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	369.162.659	140.810
chia			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu</b>	<b>30</b>	<b>(19.630.837.341)</b>	<b>140.810</b>
<b>tư</b>			
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn	31	20.000.000.000	-
góp của chủ sở hữu			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài</b>	<b>40</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>-</b>
<b>chính</b>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>220.329.706</b>	<b>(135.300.005)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>38.870.657</b>	<b>329.111.326</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>259.200.363</b>	<b>193.811.321</b>

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phụng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hà

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Anh Tuấn

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I, (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100102326 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 07/06/2000. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, vốn điều lệ, trụ sở chính của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất đến lần thứ 14 ngày 20/02/2023.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần của Công ty đến ngày 30/06/2022 là 162.499.690.000 đồng (*Một trăm sáu mươi hai tỷ, bốn trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng*).

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Số 88 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2023 là 04 người (tại ngày 01/01/2023 là 05 người).

#### **1.2 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, hoạt động chính của Công ty là cho thuê địa điểm kinh doanh.

#### **1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty TNHH Thuốc Thú y TW 1 có trụ sở chính tại xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là sản xuất kinh doanh thuốc thú y, phân phối vắc xin.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty con là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Công ty có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc tại thành phố Hồ Chí Minh.

#### **1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

### **2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023.

#### **2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Riêng chuẩn mực kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này:

#### **3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập là báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ. Công ty lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con (như chi tiết trình bày tại thuyết minh số 1.4) cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

#### **3.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.3 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 3.4 NGOẠI TỆ

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### 3.5 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

#### 3.6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

*Đầu tư vào Công ty con*

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- (i) Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- (ii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- (iii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (iv) Quyền bỏ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc
- (v) Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong kỳ là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

*Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 3.7 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

#### **3.7 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### **3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 35
- Máy móc, thiết bị	05 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 12
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 15

#### 3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán được khấu hao trong 3 năm.

#### 3.10 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm chi phí bán hàng phải trả cán bộ công nhân viên và các khoản trích trước khác là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

#### 3.12 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 3.13 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cho thuê địa điểm kinh doanh.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.13 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### 3.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

##### *Thuế giá trị gia tăng (VAT)*

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

##### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

##### *Thuế khác*

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.15 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, các giao dịch và số dư bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Tiền mặt	225.788.362	5.509.487
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	33.412.001	33.361.170
<b>Cộng</b>	<b>259.200.363</b>	<b>38.870.657</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
- Đầu tư vào công ty con + Công ty TNHH Thuốc Thú y TW1	70.000.000.000 70.000.000.000	- -	(*) (*) 50.000.000.000 50.000.000.000	- -
- Đầu tư vào đơn vị khác + Công ty Cổ phần giống gia cầm Lương Mỹ	866.640.000 866.640.000	(866.640.000) (866.640.000)	(*) (*) 866.640.000 866.640.000	(866.640.000) (866.640.000)
<b>Cộng</b>	<b>70.866.640.000</b>	<b>(866.640.000)</b>	<b>(*)</b>	<b>(866.640.000)</b>

**Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty con**

Hoạt động chính của Công ty TNHH Thuốc Thú y TW1 trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 là sản xuất, kinh doanh thuốc thú y. Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, Công ty có phát sinh giao dịch đầu tư góp vốn thêm 20.000.000.000 đồng vào Công ty TNHH Thuốc Thú y TW1.

(\*) Tại thời điểm 30/06/2023, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.513.702.150</b>	<b>(1.513.702.150)</b>	<b>1.593.580.319</b>	<b>(1.513.702.150)</b>
- Công ty CP giống Vật nuôi & Cây trồng Đồng Giao	79.818.093	(79.818.093)	79.818.093	(79.818.093)
- Các đối tượng khác	1.433.884.057	(1.433.884.057)	1.513.762.226	(1.433.884.057)
<b>b) Dài hạn</b>	<b>9.621.948.409</b>	-	<b>9.621.948.409</b>	-
- Công ty TNHH Thuốc Thú y TW1	9.621.948.409	-	9.621.948.409	-
<b>Cộng</b>	<b>11.135.650.559</b>	<b>(1.513.702.150)</b>	<b>11.215.528.728</b>	<b>(1.513.702.150)</b>

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 27.1

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>679.354.252</b>	<b>(679.354.252)</b>	<b>720.604.252</b>	<b>(679.354.252)</b>
- Công ty CP Công nghệ Hoàng Hải	549.354.252	(549.354.252)	549.354.252	(549.354.252)
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Ao Sen	130.000.000	(130.000.000)	130.000.000	(130.000.000)
- Các đối tượng khác	-	-	41.250.000	-
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>679.354.252</b>	<b>(679.354.252)</b>	<b>720.604.252</b>	<b>(679.354.252)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**8. PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>32.506.142.337</b>	<b>(3.506.395.592)</b>	<b>32.168.180.426</b>	<b>(3.506.395.592)</b>
- Phải thu khác	32.506.142.337	(3.506.395.592)	32.168.180.426	(3.506.395.592)
+ Công ty TNHH Thuốc Thú y TW1	28.362.367.037	-	25.694.080.756	-
+ Ông Lê Hữu Tuấn	637.379.708	-	637.379.708	-
+ Ông Nguyễn Huy Đức	629.034.000	(629.034.000)	629.034.000	(629.034.000)
+ Ông Đỗ Hoàng Hòa	912.020.000	(912.020.000)	912.020.000	(912.020.000)
+ Zhaoqing Dahuanong Biology Medicine Co, LTD	-	-	2.330.324.370	-
+ Ông Lê Đức Hùng	472.000.000	(472.000.000)	472.000.000	(472.000.000)
+ Các đối tượng khác	1.493.341.592	(1.493.341.592)	1.493.341.592	(1.493.341.592)
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>32.506.142.337</b>	<b>(3.506.395.592)</b>	<b>32.168.180.426</b>	<b>(3.506.395.592)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**9. NỢ XẤU**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Các khoản phải thu quá hạn thanh toán</b>				
Phải thu khách hàng	1.513.702.150	-	1.513.702.150	-
+ Ông Trần Văn Diệp	65.276.477	-	65.276.477	-
+ Ông Nguyễn Văn Thiên	29.920.213	-	29.920.213	-
+ Các đối tượng khác	1.418.505.460	-	1.418.505.460	-
Trả trước cho người bán	679.354.252	-	679.354.252	-
+ Công ty CP Công nghệ Hoàng Hải	549.354.252	-	549.354.252	-
+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Ao Sen	130.000.000	-	130.000.000	-
Tạm ứng	324.692.640	-	324.692.640	-
+ Các đối tượng khác	324.692.640	-	324.692.640	-
Phải thu khác	3.181.702.952	-	3.181.702.952	-
+ Ông Nguyễn Huy Đức	629.034.000	-	629.034.000	-
+ Ông Đỗ Hoàng Hòa	912.020.000	-	912.020.000	-
+ Ông Lê Đức Hùng	472.000.000	-	472.000.000	-
+ Các đối tượng khác	1.168.648.952	-	1.168.648.952	-
<b>Cộng</b>	<b>5.699.451.994</b>	<b>-</b>	<b>5.699.451.994</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2023	8.862.709.301	2.659.690.690	2.263.650.080	873.247.084	14.659.297.155
30/06/2023	8.862.709.301	2.659.690.690	2.263.650.080	873.247.084	14.659.297.155
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
01/01/2023	(4.505.147.818)	(2.607.309.790)	(2.224.692.697)	(772.476.867)	(10.109.627.172)
- Khấu hao trong kỳ	(143.855.331)	(20.952.369)	(38.957.383)	(8.397.522)	(212.162.605)
30/06/2023	(4.649.003.149)	(2.628.262.159)	(2.263.650.080)	(780.874.389)	(10.321.789.777)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2023	4.357.561.483	52.380.900	38.957.383	100.770.217	4.549.669.983
30/06/2023	4.213.706.152	31.428.531	-	92.372.695	4.337.507.378

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2023 là 7.809.825.049 VND (tại ngày 01/01/2023 là 6.393.328.599 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2023	59.500.000	59.500.000
30/06/2023	59.500.000	59.500.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
01/01/2023	(59.500.000)	(59.500.000)
30/06/2023	(59.500.000)	(59.500.000)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2023	-	-
30/06/2023	-	-

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2023 là 59.500.000 VND (tại ngày 01/01/2023 là 59.500.000 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Ngắn hạn	11.156.638.943	2.510.323.543	11.588.112.416	2.514.050.816
- Công ty CP Sản xuất và Thương mại Thái Sơn	2.069.287.641	-	2.154.287.641	-
- Công ty CP Thành Nhon	919.827.064	-	1.229.827.064	-
- Công ty TNHH Công trình Thiết kế Nam Ninh Công nghiệp nhẹ Trung Quốc	1.854.766.353	-	1.854.766.353	-
- Công ty TNHH thuốc thú y TW1	2.499.323.543	2.499.323.543	2.499.323.543	2.499.323.543
- Các đối tượng khác	3.813.434.342	11.000.000	3.849.907.815	14.727.273
b) Dài hạn				
Cộng	11.156.638.943	2.510.323.543	11.588.112.416	2.514.050.816

c) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 27.1

**13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	23.055.159	-	23.055.159	-
- Trung tâm nghiên cứu và phát triển Chăn nuôi heo Bình Thăng	14.962.500	-	14.962.500	-
- Các đối tượng khác	8.092.659	-	8.092.659	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	23.055.159	-	23.055.159	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong kỳ	30/06/2023
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	316.774.278	193.516.731	274.930.918	235.360.091
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	192.410.707	42.000.000	150.410.707
- Thuế thu nhập cá nhân	862.107.463	16.422.919	374.464.919	504.065.463
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	777.626.280	331.499.253	331.499.253	777.626.280
<b>Cộng</b>	<b>1.956.508.021</b>	<b>733.849.610</b>	<b>1.022.895.090</b>	<b>1.667.462.541</b>

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.766.378.610</b>	<b>1.801.467.923</b>
- Chi phí bán hàng phải trả CBCNV	1.708.400.627	1.715.406.500
- Các khoản trích trước khác	57.977.983	86.061.423
<b>Cộng</b>	<b>1.766.378.610</b>	<b>1.801.467.923</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**16. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>4.460.256.791</b>	<b>42.652.883</b>	<b>4.550.256.791</b>	<b>42.652.883</b>
- Kinh phí công đoàn	42.652.883	42.652.883	42.652.883	42.652.883
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.417.603.908	-	4.507.603.908	-
Văn phòng Công ty	3.656.918.648	-	3.746.918.648	-
+ Tiền khấu trừ thuế TNCN của khách lẻ	390.212.000	-	390.212.000	-
+ Ông Nguyễn Anh Tuấn	700.000.000	-	700.000.000	-
+ Ông Lê Anh Tuấn	136.723.837	-	136.723.837	-
+ Ông Lê Đức Liên	1.370.604.981	-	1.370.604.981	-
+ Các đối tượng khác	1.059.377.830	-	1.149.377.830	-
Chi nhánh tại TPHCM	760.685.260	-	760.685.260	-
+ Bà Nguyễn Thị Thu Hà	12.900.000	-	12.900.000	-
+ Ông Lê Hữu Tuấn	747.785.260	-	747.785.260	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>599.000.000</b>	-	<b>599.000.000</b>	-
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	599.000.000	-	599.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.059.256.791</b>	<b>42.652.883</b>	<b>5.149.256.791</b>	<b>42.652.883</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**17.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>01/01/2022</b>	<b>142.499.690.000</b>	<b>115.119.984.904</b>	<b>278.962.752</b>	<b>(130.000)</b>	<b>304.406.186</b>	<b>(192.367.273.123)</b>	<b>65.835.640.719</b>						
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	5.595.254.900	5.595.254.900						
- Tăng khác	-	-	-	-	-	115.119.984.904	115.119.984.904						
- Giảm khác	-	(115.119.984.904)	-	-	-	-	(115.119.984.904)						
<b>31/12/2022</b>	<b>142.499.690.000</b>	<b>-</b>	<b>278.962.752</b>	<b>(130.000)</b>	<b>304.406.186</b>	<b>(71.652.033.319)</b>	<b>71.430.895.619</b>						
<b>01/01/2023</b>	<b>142.499.690.000</b>	<b>-</b>	<b>278.962.752</b>	<b>(130.000)</b>	<b>304.406.186</b>	<b>(71.652.033.319)</b>	<b>71.430.895.619</b>						
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	1.073.429.109	1.073.429.109						
- Tăng vốn trong kỳ	20.000.000.000	-	-	-	-	-	20.000.000.000						
<b>30/06/2023</b>	<b>162.499.690.000</b>	<b>-</b>	<b>278.962.752</b>	<b>(130.000)</b>	<b>304.406.186</b>	<b>(70.578.604.210)</b>	<b>92.504.324.728</b>						

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**17.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Bà Nguyễn Thị Hương	6.702.490.000	6.702.490.000
- Ông Lê Chí Cường	10.000.000.000	10.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	40.000.000.000	40.000.000.000
- Ông Thân Hoài Nhân	4.184.490.000	4.184.490.000
- Ông Chu Văn Chung	20.000.000.000	-
- Các cổ đông khác	81.612.710.000	81.612.710.000
<b>Cộng</b>	<b>162.499.690.000</b>	<b>142.499.690.000</b>

**17.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	142.499.690.000	142.499.690.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	20.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	162.499.690.000	142.499.690.000

**17.4 CỔ PHIẾU**

	<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>CP</b>	<b>CP</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.249.969	14.249.969
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.249.969	14.249.969
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>16.249.969</i>	<i>14.249.969</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	13	13
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13</i>	<i>13</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.249.956	14.249.956
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>16.249.956</i>	<i>14.249.956</i>
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**17.5 CÁC QUỸ**

	<b>30/06/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Quỹ đầu tư phát triển	304.406.186	304.406.186
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	534.599	534.599

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
<b>Ngoại tệ các loại:</b>		
Dollar Mỹ (USD)	560,27	562,57

**19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</u>	<u>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Doanh thu</b>	<b>2.246.693.336</b>	<b>2.198.636.365</b>
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.246.693.336	2.198.636.365
<b>Cộng</b>	<b>2.246.693.336</b>	<b>2.198.636.365</b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</u>	<u>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	88.142.469	96.345.594
<b>Cộng</b>	<b>88.142.469</b>	<b>96.345.594</b>

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</u>	<u>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	876.378	140.810
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	368.286.281	1.371.889.706
<b>Cộng</b>	<b>369.162.659</b>	<b>1.372.030.516</b>

**22. CHI PHÍ KHÁC**

	<u>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</u>	<u>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Thù lao HĐQT	42.000.000	62.000.000
- Chi phí khác	12.500.000	140.607.303
<b>Cộng</b>	<b>54.500.000</b>	<b>202.607.303</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>1.135.038.958</b>	<b>1.017.774.404</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	375.292.516	329.421.370
- Chi phí đồ dùng văn phòng	14.885.455	13.286.682
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	64.110.384	64.110.384
- Thuế, phí và lệ phí	331.499.253	333.774.756
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	102.803.518	60.650.056
- Chi phí bằng tiền khác	246.447.832	216.531.156
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>59.909.752</b>	<b>81.344.156</b>
- Chi phí khấu hao TSCĐ	59.909.752	81.344.156
<b>Cộng</b>	<b>1.194.948.710</b>	<b>1.099.118.560</b>

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
- Chi phí nhân công	375.292.516	329.421.370
- Khấu hao tài sản cố định	212.162.605	241.800.134
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	117.765.874	73.936.738
- Chi phí bằng tiền khác	577.870.184	550.305.912
<b>Cộng</b>	<b>1.283.091.179</b>	<b>1.195.464.154</b>

**25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1.265.839.816</b>	<b>2.413.429.699</b>
<b>Các khoản chi phí không được khấu trừ</b>	<b>64.500.000</b>	<b>202.607.303</b>
- Các khoản chi phí (phạt)	12.500.000	-
- Thù lao HĐQT	42.000.000	62.000.000
- Chi phí không đầy đủ hóa đơn chứng từ	10.000.000	140.607.303
<b>Các khoản thu nhập không chịu thuế TNDN</b>	<b>(368.286.281)</b>	<b>(1.371.889.706)</b>
- Cổ tức lợi nhuận được chia	(368.286.281)	(1.371.889.706)
<b>Chuyển lỗ các năm trước</b>	<b>-</b>	<b>(1.244.147.296)</b>
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>962.053.535</b>	<b>-</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính</b>	<b>192.410.707</b>	<b>-</b>
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>192.410.707</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi trên cổ phiếu thì trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày chi tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

**27. THÔNG TIN KHÁC**

**27.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Tên	Mối quan hệ
- Công ty TNHH Thuốc thú y TW1	Công ty con
- Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị

**Giao dịch với các bên liên quan**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Công ty TNHH Thuốc thú y TW1	20.000.000.000	-
Đầu tư góp vốn	20.000.000.000	-

**Số dư với các bên liên quan**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>9.621.948.409</b>	<b>9.621.948.409</b>
Công ty TNHH Thuốc thú y TW1	9.621.948.409	9.621.948.409
<b>Phải thu khác</b>	<b>28.362.367.037</b>	<b>25.694.080.756</b>
Công ty TNHH Thuốc thú y TW1	28.362.367.037	25.694.080.756
<b>Phải trả người bán</b>	<b>2.499.323.543</b>	<b>2.499.323.543</b>
Công ty TNHH Thuốc thú y TW1	2.499.323.543	2.499.323.543
<b>Phải trả khác</b>	<b>700.000.000</b>	<b>700.000.000</b>
Ông Nguyễn Anh Tuấn	700.000.000	700.000.000

***Thu nhập của các thành viên chủ chốt***

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
<b>Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong kỳ như sau:</b>		
Thù lao của các thành viên quản lý chủ chốt	42.000.000	62.000.000
<b>Cộng</b>	<b>42.000.000</b>	<b>62.000.000</b>

---

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**27. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**27.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Tên	Chức danh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
		đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
		VND	VND
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Việt Hoàng	Thành viên HĐQT	12.000.000	2.000.000
Ông Tô Giang Nam	Thành viên HĐQT	10.000.000	2.000.000
Bà Bùi Hương Liên	Thành viên HĐQT	2.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm)	-	10.000.000
Ông Đặng Tiếp	Trưởng BKS	-	10.000.000
Ông Trần Hồng Quỳnh	Thành viên BKS	-	5.000.000
Ông Vũ Văn Đôn	Thành viên BKS	-	5.000.000
Ông Lê Anh Tuấn	Giám đốc (Miễn nhiệm)	-	10.000.000
<b>Cộng</b>		<b>42.000.000</b>	<b>62.000.000</b>

**27.2 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hà

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Anh Tuấn